

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2010

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN
TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN

Số: 8028
Giờ: Ngày 18 tháng 02 năm 11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

ĐVT: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A/= TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		245 928 706 421	180 281 460 719
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		32 758 656 697	14 833 172 953
1. Tiền	111	V.01	18 758 656 697	14 833 172 953
2. Các khoản tương đương tiền	112		14 000 000 000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3 000 000 000	4 000 050 000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	3 000 000 000	4 000 050 000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		57 386 367 745	84 898 718 426
1. Phải thu khách hàng	131		54 336 207 616	83 510 367 155
2. Trả trước cho người bán	132		2 531 716 001	782 703 431
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	518 444 128	605 647 840
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		146 066 072 095	74 420 418 351
1. Hàng tồn kho	141	V.04	146 066 072 095	74 420 418 351
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6 717 609 884	2 129 100 989
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1 670 594 201	306 487 048
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3 723 297 582	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	39 727 020	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1 283 991 081	1 822 613 941
B/= TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		66 369 092 477	53 411 663 655
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		61 126 513 701	47 895 806 175
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	48 845 903 937	34 895 466 991
- Nguyên giá	222		72 734 686 151	53 279 005 367
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(23 888 782 214)	(18 383 538 376)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11 960 208 160	12 021 833 032
- Nguyên giá	228		12 075 416 280	12 075 416 280
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(115 208 120)	(53 583 248)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	320 401 604	978 506 152
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	6 000 000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	-	6 000 000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Lợi thế thương mại			3 765 836 969	4 285 203 737
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1 476 741 807	1 224 653 743
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	14 578 167	166 740 103
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	124 944 460	124 944 460
3. Tài sản dài hạn khác	268		1 337 219 180	932 969 180
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		312 297 798 898	233 693 124 374

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
A/= NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		190 453 844 897	116 787 955 411
I. Nợ ngắn hạn	310		186 576 939 147	116 078 742 467
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	57 753 245 976	38 593 655 528
2. Phải trả người bán	312		107 292 910 411	61 063 216 927
3. Người mua trả tiền trước	313		14 468 116 381	6 843 237 850
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	3 596 140 253	6 036 082 144
5. Phải trả người lao động	315		950 616 281	2 298 676 226
6. Chi phí phải trả	316	V.17	1 362 099 344	17 500 000
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	803 080 211	758 734 255
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		350 730 290	467 639 537
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3 876 905 750	709 212 944
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	3 393 200 000	166 663 944
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		483 705 750	542 549 000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B/= VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		116 635 819 831	111 847 944 017
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	116 635 819 831	111 847 944 017
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80 558 460 000	80 558 460 000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		14 330 550 600	14 330 550 600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		8 338 011 052	7 036 053 199
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3 289 620 428	2 540 463 715
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10 119 177 751	7 382 416 502
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C/= LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		5 208 134 170	5 057 224 946
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		312 297 798 898	233 693 124 374

Người lập biểu

PHẠM HỒNG NGỌC

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2010

Tổng Giám Đốc


NGUYỄN VĂN ĐỨC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 4 Năm 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	333 845 136 806	552 952 273 425	1 099 346 548 118	1 326 531 946 182
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7 441 820 490	8 778 809 321	37 429 761 609	12 737 126 686
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		326 403 316 316	544 173 464 104	1 061 916 786 509	1 313 794 819 496
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	304 909 962 419	512 583 460 454	982 542 676 747	1 230 578 555 982
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		21 493 353 897	31 590 003 650	79 374 109 762	83 216 263 514
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	281 620 466	1 724 622 601	2 032 943 047	3 022 962 881
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	5 180 984 740	4 127 247 202	15 743 702 402	9 780 820 105
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3 630 925 161	726 223 098	9 452 052 865	4 977 185 616
8. Chi phí bán hàng	24		15 261 164 742	15 483 126 805	52 150 058 641	45 277 107 187
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		2 967 635 590	3 831 581 333	12 423 132 327	10 846 076 918
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)(24+25)]	30		-1 634 810 709	9 872 670 911	1 090 159 439	20 335 222 185
11. Thu nhập khác	31		4 819 736 320	3 628 107 513	23 928 003 212	11 147 274 645
12. Chi phí khác	32		946 555 243	3 148 478 053	8 464 100 081	9 700 978 468
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3 873 181 077	479 629 460	15 463 903 131	1 446 296 177
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		2 238 370 368	10 352 300 371	16 554 062 570	21 781 518 362
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1 876 067 050	2 872 565 269	7 080 344 064	5 967 065 543
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		362 303 318	7 479 735 102	9 473 718 506	15 814 452 819
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			-298 103 962	141 780 597	(764 623 390)	603 235 494
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			660 407 280	7 337 954 505	10 238 341 896	15 211 217 325
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70					

* Ghi chú: Trong năm, Haxaco thay đổi cách hạch toán theo chính sách của MBV, chuyển phần doanh thu từ lợi nhuận giữ lại của hoạt động kinh doanh sang thu nhập khác.

Người lập biểu



PHẠM HỒNG NGỌC

Kế Toán Trưởng



NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày _____ tháng _____ năm 2010

Tổng Giám Đốc



NGUYỄN VĂN ĐỨC

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
QUÝ 4 NĂM 2010

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	LƯU KẾ TỪ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI QUÝ NÀY	
			Năm nay	Năm trước
I/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16 554 062 570	21 781 518 362
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.11,12	5 809 160 784	2 594 027 775
- Các khoản dự phòng	03	V.3	-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1 519 769 194)	1 409 763 209
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	9 452 052 865	1 932 642 063
3 Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		30 295 507 025	27 717 951 409
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		24 685 106 311	19 705 202 475
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(65 631 789 299)	(19 530 389 444)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		48 056 407 118	23 506 718 297
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		67 818 771	(122 519 616)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(9 300 158 222)	(1 876 467 063)
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(9 226 179 862)	(806 829 815)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		796 900 000	23 520 000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1 546 087 912)	(159 058 709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18 197 523 930	48 458 127 534
II/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(30 696 161 386)	(1 054 711 416)
2. Tiền thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	V.7	7 694 781 819	1 509 802 727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(146 400 000)	(10 000 000 000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		152 450 000	3 240 000 000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(32 850 000)
6. Thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1*000 000 000	800 000 000
7. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	663 744 431	171 592 097
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(21 331 585 136)	(5 366 166 592)
III/= LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1 685 000 000	6 929 940 000
2. Trả vốn cho chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.17	416 396 072 736	33 187 815 181
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.17	(391 685 094 186)	(50 826 946 167)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(5 336 433 600)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		21 059 544 950	(10 709 190 986)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		17 925 483 744	32 382 769 956
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	14 833 172 953	8 781 882 980
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi tiền tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	32 758 656 697	41 164 652 936

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người lập biểu

Kế Toán trưởng

PHẠM HỒNG NGỌC

NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH



Tổng Giám Đốc

NGUYỄN VĂN ĐỨC

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh cho Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh và Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hành các loại ô tô; Đại lý mua bán ô tô và phụ tùng các loại; Mua bán và cho thuê ô tô, mua bán phụ tùng, máy móc, thiết bị chuyên ngành ô tô; Thiết kế, cải tạo phương tiện xe cơ giới đường bộ; Dịch vụ cứu hộ xe ô tô.
4. **Tổng số các Công ty con** : 1
5. **Chi tiết Công ty con được hợp nhất**

Tên Công ty	: Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ
Địa chỉ	: 102 Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.
Tỷ lệ lợi ích	: 66,92 %
Quyền biểu quyết	: 66,92 %

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của các Công ty trong cùng Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty mẹ đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Các Công ty trong cùng Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2010

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con sẽ được đưa vào Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày Công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát Công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của Công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá trị hàng tồn kho được tính theo:

- Công ty Cổ phần Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh: phương pháp thực tế đích danh.
- Công ty Cổ phần Cơ khí Ô tô Cần Thơ: phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2010**

giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 15

7. Tài sản cố định vô hình***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không được tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 4 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa thể hiện khoản chi phí thực tế Công ty chi ra để sửa chữa lớn tài sản. Chi phí sửa chữa được phân bổ không quá 03 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2010

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1/12 tháng lương (đối với Công ty mẹ) và 3% quỹ lương (đối với Công ty con) làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông tại công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ riêng của từng Công ty.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các Công ty trong cùng Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2010 : 19.500 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

10 (235/18) Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 – 3.5120026 – Fax: 3.5120025 – 3.8980054 – Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 4 NĂM 2010

17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2010

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền :**

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	1 425 571 126	1 882 046 022
Tiền gửi ngân hàng	31 333 085 571	12 951 126 931
Cộng	32 758 656 697	14 833 172 953

2. Đầu tư ngắn hạn:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	50 000
Đầu tư ngắn hạn khác	3 000 000 000	4 000 000 000
<i>Trong đó:</i>		
<i>Khoản đầu tư ngắn hạn khác</i>	<i>3 000 000 000</i>	<i>4 000 000 000</i>
Cộng	3 000 000 000	4 000 050 000

3. Phải thu khách hàng:

Phải thu tiền bán xe và sửa chữa xe ô tô

4. Trả trước cho người bán:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	2 531 716 001	782 703 431
<i>CN Cty CP Phát triển Phần Mềm Asia</i>	<i>81 900 000</i>	
<i>Cty TNHH Thiết Kế và Tư Vấn Xây Dựng</i>	<i>405 000 000</i>	
<i>Cty TNHH Phụng Trăn</i>	<i>193 050 000</i>	
<i>Cty TNHH Nhựa Phước Thành</i>	<i>954 500 000</i>	
<i>Cty TNHH Thiết Kế Xây Dựng Đất Việt</i>	<i>368 500 000</i>	
<i>Phan Ngọc Hòa</i>	<i>7 500 000</i>	
<i>Nhà cung cấp khác</i>	<i>521 266 001</i>	
Nhà cung cấp nước ngoài		
Cộng	2 531 716 001	782 703 431

5. Các khoản phải thụ khác :

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu tiền chiết khấu của Cty TNHH LD SX Ô Tô Ngôi Sao	512 500 000	538 400 000
Khoản phải thu khác	5 944 128	67 207 840
Cộng	518 444 128	605 607 840

6. Hàng tồn kho :

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	14 103 842 019	10 307 045 944
Hàng hóa	131 962 230 076	64 113 372 407
Cộng	146 066 072 095	74 420 418 351

7. Thuế GTGT được khấu trừ:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT được khấu trừ	3 723 297 582	-
Cộng	3 723 297 582	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	183 444 666	73 269 954
Công cụ, dụng cụ	103 018 456	129 974 754
Chi phí khác	1 384 131 079	103 242 340
Cộng	1 670 594 201	306 487 048

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2010****9. Tài sản ngắn hạn khác:**

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Tạm ứng	1 262 096 787	1 025 861 746
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20 490 938	795 348 839
Tài sản thiếu chờ xử lý	1 403 356	1 403 356
Cộng	1 283 991 081	1 822 613 941

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá đầu quý	22 986 808 591	4 848 106 452	22 615 327 140	2 282 274 517	302 374 643	53 034 891 343
Mua sắm mới	12 219 919 001	413 456 046	15 993 558 644	70 036 091	-	28 696 969 782
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(8 997 174 974)	-	-	(8 997 174 974)
Số cuối quý	35 206 727 592	5 261 562 498	29 611 710 810	2 352 310 608	302 374 643	72 734 686 151
Gia trị hao mòn đầu quý	10 696 800 027	2 924 057 471	3 267 708 543	1 469 766 739	272 071 495	18 630 404 275
Khấu hao	2 434 546 549	419 659 711	3 179 311 929	358 381 661	175 434	6 392 075 284
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1 133 697 345)	-	-	(1 133 697 345)
Số cuối quý	13 131 346 576	3 343 717 182	5 313 323 127	1 828 148 400	272 246 929	23 888 782 214
Gia trị còn lại đầu quý	12 290 008 564	1 924 048 981	19 347 618 597	812 507 778	30 303 148	34 404 487 068
Số cuối quý	22 075 381 016	1 917 845 316	24 298 387 683	524 162 208	30 127 714	48 845 903 937

11. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình:

Chi tiêu	Số đầu quý	Tăng trong năm	Gia trị hao mòn	Số cuối quý
Quyền sử dụng đất	11 646 416 800			11 646 416 800
Phần mềm quản lý	375 416 232		61 624 872	313 791 360
Cộng	12 021 833 032	-	61 624 872	11 960 208 160

12. Đầu tư tài chính dài hạn:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Đầu tư mua trái phiếu	-	6 000 000
Cộng	-	6 000 000

13. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí khác	14 578 167	120 986 962
Cộng	14 578 167	120 986 962

14. Tài sản dài hạn khác, ký quỹ, ký cược dài hạn:

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
CN Tổng công ty Bến Thành	932 969 180	932 969 180
Tài sản dài hạn khác	404 250 000	
Cộng	1 337 219 180	932 969 180

15. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	57 384 583 476	38 413 655 528
Vay ngắn hạn Ngân hàng HSBC	43 540 441 476	34 027 655 528
Vay ngắn hạn Ngân hàng Phương Tây	8 907 142 000	
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Kỹ Thương VN CN Cần Thơ	4 937 000 000	4 386 000 000
Vay ngắn hạn khác bằng phát hành kỳ phiếu nội bộ	368 662 500	
Vay dài hạn đến hạn trả	-	180 000 000
Cộng	57 753 245 976	38 593 655 528

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2010**

*Khoản vay Ngân Hàng HSBC - Chi Nhánh TP.HCM và Ngân Hàng Phương Tây để kinh doanh mua bán xe ô tô, khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hàng hóa là xe ô tô.

*Khoản vay Ngân Hàng TM Cổ Phần Kỹ Thương - Chi Nhánh Cần Thơ theo hợp đồng cung cấp hạn mức tín dụng số 33/09K/HĐHMTD/TCB-CTH Ngày 11 tháng 03 năm 2009 để bổ sung vốn kinh doanh xe ô tô.

16. Phải trả người bán:

Phải trả nhà cung cấp trong nước tiến hàng hóa, dịch vụ.

17. Người mua trả tiền trước:

Khách hàng ứng trước tiền mua xe.

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước :

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối quý
Thuế GTGT hàng bán nội địa	272 612 776	2 662 818 574	(2 935 431 350)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5 526 606 060	7 096 355 830	(9 226 179 862)	3 433 789 838
Thuế thu nhập cá nhân	236 863 308	2 504 463 943	(2 578 976 836)	162 350 415
Tiền thuê đất	-	1 025 029 404	(1 025 029 404)	-
Các khoản phải nộp khác	-	2 000 000	(2 000 000)	-
Cộng	6 036 082 144	13 290 667 751	(15 767 617 452)	3 596 140 253

19. Phải trả người lao động:

Lương còn phải trả.

20. Chi phí phải trả

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí thuê mặt bằng Showroom Nguyễn Văn Cừ	1 025 992 500	
Chi phí khác	185 788 076	17 500 000
Cộng	1 362 099 344	17 500 000

21. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác:

Chỉ tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	207 204 862	127 878 273
Bảo hiểm thất nghiệp	3 394 844	826 295
Tiền thuê kho phải trả Samco	383 000 000	383 000 000
Vật tư thừa	-	-
Hàng thừa chờ xử lý	12 968 735	29 945 455
Chi trả cổ tức năm 2009	98 915 200	87 069 600
<i>Haxaco (Công ty Mẹ)</i>	<i>86 875 200</i>	
<i>Cameco (Công ty Con)</i>	<i>12 040 000</i>	
Các khoản phải trả khác	100 991 414	130 014 632
Cộng	803 080 211	758 734 255

22. Vốn chủ sở hữu:

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quy đầu tư phát triển	Quy dự phòng tại chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm	80 558 460 000	14 330 550 600	7 036 053 199	2 540 463 715	7 382 416 502	111 847 944 016
Phân phối các quý trong kỳ	-	-	1 301 957 853	749 156 713	(2 400 523 657)	(349 409 091)
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	9 473 718 506	9 473 718 506
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	(4 136 433 600)	(4 136 433 600)
Chi trong kỳ	-	-	-	-	(200 000 000)	(200 000 000)
Số dư cuối quý	80 558 460 000	14 330 550 600	8 338 011 052	3 289 620 428	10 119 177 751	116 635 819 831

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2010****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Công ty mẹ)**

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà Nước	26 287 860 000	26 287 860 000
Vốn góp của các cổ đông khác	54 270 600 000	54 270 600 000
Thặng dư vốn cổ phần	14 330 550 600	14 330 550 600
Cộng	94 889 010 600	94 889 010 600

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu (Công ty con)

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Vốn góp của Công ty Mẹ	11 617 900 000	5 808 950 000
Vốn góp của Cổ đông khác	5 876 050 000	4 191 050 000
Cộng	17 493 950 000	10 000 000 000

Cổ phiếu (đang lưu hành với mệnh giá 10.000VNĐ/CP).

Chi tiêu	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8 055 846	4 331 211
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành thêm	-	4 331 211
- Cổ phiếu phổ thông	-	4 331 211
- Cổ phiếu phổ thông (chưa chính thức được giao dịch)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8 055 846	4 331 211
- Cổ phiếu phổ thông	8 055 846	4 331 211
- Cổ phiếu phổ thông (chưa chính thức được giao dịch)	-	-

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính

* Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn kinh doanh của Tập đoàn.

* Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Tập đoàn theo quyết định của Hội đồng quản trị.

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng do trích lập	Chi trong kỳ	Số cuối quý
Quỹ phúc lợi	467 639 537	723 589 165	(840 498 412)	350 730 290
Cộng	467 639 537	723 589 165	(840 498 412)	350 730 290

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

Chi tiêu	Số quý này
Tổng doanh thu :	333 845 136 806
- Doanh thu bán xe ô tô	306 443 079 719
- Doanh thu sửa chữa, bán phụ tùng	26 819 783 528
- Doanh thu khác	582 273 559
Các khoản giảm trừ doanh thu	7 441 820 490
- Hàng bán bị trả lại	7 441 820 490
Doanh thu thuần	326 403 316 316

0

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2010****2. Giá vốn hàng bán:**

Chi tiêu	Số quý này
Tổng giá vốn :	304 909 962 419
- Giá vốn bán xe ô tô	282 444 508 731
- Giá vốn sửa chữa, bán phụ tùng	22 368 158 062
- Giá vốn khác	97 295 626

3. Doanh thu hoạt động tài chính :

Chi tiêu	Số quý này
- Lãi tiền gửi	138 295 209
- Hoạt động đầu tư chứng khoán	-
- Thu nhập khoán đầu tư chứng khoán	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	128 057 265
- Lãi cho vay vốn	-
- Lãi phạt quá hạn thanh toán	15 267 992
- Lãi từ cổ tức	-
- Doanh thu tài chính khác	-
Cộng	281 620 466

4. Chi phí tài chính:

Chi tiêu	Số quý này
- Trả lãi tiền vay	3 630 925 161
- Hoạt động đầu tư chứng khoán	25 690 750
- Lỗ do chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán	1 524 368 829
Cộng	5 180 984 740

5. Chi phí bán hàng:

Chi tiêu	Số quý này
- Chi phí nhân viên	2 121 032 008
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	342 869 021
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1 385 720 256
- Chi phí ngân hàng	46 367 293
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2 187 846 743
- Chi phí khác	9 177 329 421
Cộng	15 261 164 742

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp :

Chi tiêu	Số quý này
- Chi phí nhân viên quản lý	1 614 209 177
- Chi phí VPP, vật liệu quản lý	44 011 257
- Chi phí dụng cụ quản lý	53 031 939
- Chi phí khấu hao TSCĐ	190 735 002
- Thuế, phí và lệ phí	191 230 107
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	134 489 071
- Chi phí bằng tiền khác	739 929 037
Cộng	2 967 635 590

7. Thu nhập khác:

Chi tiêu	Số quý này
- Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	
- Thu nhập từ các khoản khác	4 819 736 320
Cộng	4 819 736 320

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2010****8. Chi phí khác:**

Chi tiêu	Số quý này
- Chi phí thanh lý TSCĐ	944 322 603
- Chi phí khác	2 232 640
Cộng	946 555 243

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

Chi tiêu	Số quý này
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	19 351 272 484
- Chi phí nhân công	5 500 299 816
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1 840 002 904
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3 339 489 287
- Chi phí khác	11 159 466 399
Cộng	41 190 530 890

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thu nhập của Thành viên Ban Tổng Giám Đốc:**

Chi tiêu	Số quý này
- Tiền lương	392 600 000
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	2 596 794
Cộng	395 196 794

Về chính sách kế toán, hiện tại công ty vẫn áp dụng các chuẩn kế toán ban hành theo Quyết định số 12/2005/QĐ - BTC ngày 15/02/2005, Quyết định số 100/2005/QĐ - BTC ngày 28/12/2005 của Bộ trưởng Bộ tài chính và đã được Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 20/2006/TT - BTC ngày 20/03/2006, Thông tư số 21/2006/TT - BTC ngày 20/03/2006 như sau :

- VAS 11 Hợp nhất kinh doanh.
- VAS 17 Thuế thu nhập doanh nghiệp.
- VAS 18 Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng.
- VAS 23 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.
- VAS 27 Báo cáo tài chính giữa niên độ.
- VAS 28 Báo cáo bộ phận.
- VAS 29 Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót.
- VAS 30 Lãi trên cổ phiếu.

Ngoài ra, công ty vẫn áp dụng theo Chế độ kế toán doanh nghiệp mới ban hành theo Quyết định số 15/QĐ - BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ban hành ngày 31/12/09 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kế toán.

Trong thời gian thực hiện các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính quý này và các quý trước của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ Ô TÔ HÀNG XANH

Địa chỉ: 235/18 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP.HCM

ĐT: 3.8983416 - 3.5120026 - Fax: 3.5120025 - 3.8980054 - Email: haxaco@hcm.vnn.vn**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ 2 NĂM 2010****1. Một số thuyết minh khác:**

* Lợi nhuận trước thuế của Quý 4/2010 giảm so với Quý 4/2009, do trong năm 2009 chính sách thuế liên quan đến kinh doanh ô tô được ưu đãi nên doanh thu tăng đột biến và lợi nhuận trước thuế cũng tăng tương ứng.

* Lợi nhuận trước thuế của Quý 4/2010 giảm so với Quý 3/2010, do trong Quý 4 Công ty chưa nhận được khoản thu nhập từ Sales campaign của MBV.

2. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong Quý 4 năm 2010:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý 4/2010
Cơ cấu tài sản :		
- Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	78,75
- Tài sản dài hạn / Tổng số tài sản	%	21,25
Cơ cấu nguồn vốn :		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	60,98
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	37,35
Khả năng thanh toán :		
- Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,67
- Khả năng thanh toán ngắn hạn	Lần	1,32
- Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,54
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu thuần	%	1,15
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,87
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	1,11
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	1,64
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	2,25

Người lập



PHẠM HỒNG NGỌC

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HỒNG KHANH



TP. HCM, Ngày 21 tháng 02 năm 2011

Tổng Giám đốc



NGUYỄN VĂN ĐỨC